

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận đầu tư thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của: Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp các ý kiến nhận xét, đánh giá hồ sơ dự án của các thành viên Hội đồng thẩm định (do dịch Covid-19 nên Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển hình thức họp Hội đồng sang hình thức gửi hồ sơ xin ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định); Báo cáo kết quả thẩm định tại Tờ trình số 247/TTr-HĐTĐ-ĐTM ngày 29 tháng 7 năm 2021;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung, gửi kèm văn bản số 93/CV-HH ngày 15/7/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hùng Huy;*

*Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây được gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hùng Huy với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có các trách nhiệm:

**1.** Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật (phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã).

**2.** Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**3.** Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phúc Ứng; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hùng Huy; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH một thành viên Hùng Huy, (Chủ dự án)
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Thành viên HĐ TĐ Báo cáo ĐGTĐMT dự án;
- Chuyên viên: KS, CN;
- Lưu VT, (Đ 30).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÀ MÁY SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC LOẠI BAO BÌ PLATSTIC VÀ SẢN XUẤT GIA CÔNG CHẾ TẠO CƠ KHÍ TẠI CỤM CÔNG NGHIỆP PHÚC ỨNG, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1.** Tên dự án: Đầu tư nhà máy sản xuất kinh doanh các loại bao bì platstic và sản xuất gia công chế tạo cơ khí tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**1.2.** Địa điểm thực hiện: Tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**1.3.** Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH một thành viên Hùng Huy

- Đại diện: Ông Đỗ Quang Vinh Chức vụ: Giám đốc.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Trụ sở chính: Lô CX 07, Khu đô thị Đồng Sơn, phường Trung Trắc, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**1.4.** Phạm vi, quy mô dự án

*a) Phạm vi, quy mô*

- Dự án nằm tại lô F3, Cụm Công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Tổng diện tích đất quy hoạch là 23.125 m<sup>2</sup> (Diện tích đất xây dựng nhà máy 22.000 m<sup>2</sup>; đất đường bộ và hành lang 1.125m<sup>2</sup>).

- Khu đất quy hoạch đã được UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi của Công ty cổ phần Thái Sơn tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 22/01/2014, hiện do UBND xã Phúc Ứng quản lý.

*b) Công suất của dự án*

- Quy trình sản xuất bao bì Platic: Nguyên liệu (hạt nhựa PP, phụ gia CaCO<sub>3</sub>) → Máy đùn tạo màng → Máy kéo sợi → Máy dệt → Cắt → In → Thành phẩm → Kiểm tra → Nhập kho.

*Nguyên liệu:* Nguyên liệu hạt nhựa 100% là nhựa nguyên sinh nhập khẩu, phụ gia CaCO<sub>3</sub> trong nước. Không sử dụng các nguyên liệu tái chế.

- Quy trình gia công cơ khí: Nguyên liệu → Kiểm tra → Gia công cơ khí (khoan, tiện...) → KCS → Nhập kho.

Nguyên liệu chính sản xuất gia công cơ khí gồm các loại thép hộp, inox hộp, hộp kẽm, thép tấm, ống mạ kẽm,...được nhập từ các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong nước.

- Sản xuất bao bì PP: 600.000 sản phẩm bao bì/năm;
- Gia công cơ khí: 150 tấn sản phẩm/năm.

### **1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án**

- Nhà văn phòng quản lý: Gồm 2 khu nhà văn phòng quản lý, mỗi nhà 2 tầng, với diện tích 300 m<sup>2</sup>/nhà, kết cấu tường gạch chịu lực #75 dày vữa xi măng #50, sàn đổ bê tông #200, mái lợp tôn dày 0,35 mm. Nền nhà lát gạch liên doanh 400x400, lát từ trong ra ngoài, cửa đi và cửa sổ khung nhôm kính.

- Nhà xưởng sản xuất: Gồm 02 xưởng với tổng diện tích 12.600 m<sup>2</sup> được thiết kế nhà khung thép lợp tôn liên doanh dày 0,35 mm, sàn đổ bê tông #200 cao ráo, thoáng mát.

- Nhà ăn: Gồm 02 nhà được bố trí bên cạnh 2 xưởng sản xuất, với diện tích 200 m<sup>2</sup>/nhà.

- Ga ra để xe gồm 2 gara được bố trí bên cạnh 2 xưởng sản xuất, với diện tích 180 m<sup>2</sup>/gara.

- Nhà vệ sinh gồm 2 nhà được bố trí bên cạnh 2 xưởng sản xuất, với diện tích 50 m<sup>2</sup>/nhà.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

### **2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

#### *a) Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, máy móc*

- Bụi, khí thải từ hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân từ hoạt động xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, nước mưa chảy tràn trong phạm vi dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn, chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Tiếng ồn, độ rung do hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị.

#### *b) Giai đoạn vận hành ổn định*

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa.

- Bụi và khí thải của phương tiện giao thông ra vào dự án, bụi trong quá trình bốc dỡ, phối trộn nguyên liệu; hơi nhựa từ quá trình gia nhiệt; hơi dung môi khu vực in và tiếng ồn trong sản xuất; khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Nước thải sinh hoạt và nước thải nấu ăn cho công nhân; nước mưa chảy tràn trên bề mặt trong khuôn viên của nhà máy.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị in.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Tiếng ồn, độ rung từ máy móc sản xuất, từ các phương tiện vận chuyển

## 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

### a) Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực lán trại với khối lượng khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày; thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải thi công: Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải thi công là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng, tích tụ ngay trên các tuyến thoát nước thi công tạm thời, mức độ ảnh hưởng của nước thải thi công ở mức thấp.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp vệ sinh môi trường, tiêu thoát nước trong quá trình triển khai thi công xây dựng.

### b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 37,5 m<sup>3</sup>/ngày (Nước thải vệ sinh phát sinh khoảng 30 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải bếp ăn phát sinh khoảng 7,5 m<sup>3</sup>/ngày), thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (SS), BOD<sub>5</sub>, COD, tổng nitơ, photpho (P), coliform,...

- Nước thải sản xuất:

+ Nước làm mát: Trong quá trình hoạt động sản xuất có nước làm mát trong công đoạn đùn sợi, để làm nguội sợi PP lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng trở lại thông qua tháp giải nhiệt và bể chứa nước, không thải ra môi trường.

+ Nước rửa thiết bị in: Phát sinh từ hoạt động vệ sinh các thiết bị in, khối lượng nước thải không nhiều, khoảng 0,3 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn bề mặt cuốn theo chất bẩn, bùn đất gây ô nhiễm môi trường thủy vực nơi tiếp nhận nếu không có giải pháp vệ sinh môi trường, tiêu thoát nước trong quá trình hoạt động sản xuất.

## 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

### a) Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị và từ hoạt động của máy móc thi công trên công trường. Ngoài ra còn khí thải từ công đoạn hàn và bụi sơn, hơi dung môi từ quá trình sơn.

### b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Hoạt động bốc xúc, tập kết nguyên liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ phát sinh bụi, khí thải có thành phần: CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>,...

- Hoạt động sản xuất bao bì tại các công đoạn gia nhiệt, kéo sợi, in làm

phát sinh khí thải có thành phần: CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> và các hợp chất hữu cơ (VOC).

- Bụi kim loại, hơi hàn phát sinh trong quá trình sản xuất, gia công cơ khí như cắt, hàn, khoan, mài nhẵn bề mặt, đánh bóng kim loại, máy tiện, gia công bề mặt kim loại,...

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng sẽ làm phát sinh bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm các loại túi nylon, carton, giấy vụn, thức ăn thừa... phát sinh với khối lượng khoảng 7,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thi công với khối lượng khoảng 200 kg/tháng với thành phần chính là gạch, đá, sắt, thép, bìa carton, ni lon, gỗ pallet...

##### b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thành phần chất thải bao gồm: giấy vụn, phần thừa của các loại thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm... phát sinh khoảng 69 kg/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường:

+ Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất bao bì: Gồm bao bì chứa nguyên liệu đầu vào, các sản phẩm hỏng, dây chỉ may, lõi chỉ, nguyên liệu hỏng, hết hạn sử dụng,... Khối lượng phát sinh khoảng 29,4 kg/ngày.

+ Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất gia công cơ khí: Gồm mảnh vụn kim loại, sắt vụn, các bao bì, hộp carton đã qua sử dụng. Khối lượng phát sinh khoảng 6,5 kg/ngày.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

##### a) Giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 6 kg/tháng với thành phần gồm: giẻ lau nhiễm dầu, dầu mỡ thải, dầu mẫu que hàn...

##### b) Giai đoạn vận hành hoạt động

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 640 kg/năm (20kg/năm hộp mực in thải; 50 kg/năm pin, ắc quy thải; 10 kg/năm bóng đèn huỳnh quang; 70 kg/năm dầu, mỡ thải; 30 kg/năm giẻ lau dính dầu mỡ; 100kg/năm bao bì đựng hóa chất chứa thành phần nguy hại; 360 kg/năm màng lọc than hoạt tính đã qua sử dụng).

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Các công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng

##### a) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động với bể lắng tạm thời (dung tích 2 m<sup>3</sup>) trong khu vực công trường thi công xây dựng. Định kỳ bổ sung phẩm EM để tăng hiệu quả xử lý.

- *Nước mưa chảy tràn và nước thải thi công*: Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát của khu vực và định hướng thoát nước theo hướng Tây về phía suối Khuôn Ráng.

*b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải*

Vệ sinh tuyến đường vận chuyển, thu gom vật liệu rơi vãi, che phủ bạt khi vận chuyển, tưới ẩm cung đường vận chuyển với tần suất 2 lần/ngày. Dựng rào chắn tạm thời bằng tôn, chiều cao 3 m bao quanh toàn bộ công trường nhằm hạn chế bụi phát tán từ công trường ra bên ngoài. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

*c) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn*

- *Chất thải xây dựng*: Các loại chất thải được phân loại theo giá trị sử dụng như: Gạch vụn và vật liệu xây dựng rơi vãi thu gom dùng cho làm nền, vỏ bao xi măng thu gom bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Những chất thải không có khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom và thuê đơn vị có chức năng mang đi xử lý.

- *Chất thải sinh hoạt*: Trang bị thùng rác (02 thùng rác khác màu loại 120 lít, 01 thùng để rác hữu cơ và 01 thùng để rác vô cơ); Thùng rác được đặt ngay khu lán trại tạm của công nhân.

*d) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại*

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công; lưu giữ trong 1 thùng chứa (loại dung tích 120 lít), bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo. Sau khi kết thúc hoạt động thi công, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

*e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác*

Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn cho các máy móc có mức ồn cao như máy nén khí...; Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng để đưa ra khuyến cáo và thay thế thiết bị thi công; không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị; không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

*f) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố



an toàn về điện, cháy, nổ, an toàn lao động, sự cố an toàn giao thông.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với thời tiết bất thường như lũ ống, lũ quét.

### 3.2. Công trình, biện pháp BVMT trong giai đoạn vận hành, hoạt động

#### a) Công trình thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải từ khu vệ sinh: Được thu gom và xử lý qua bể tự hoại có tổng dung tích 50 m<sup>3</sup>, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

- Nước thải bếp ăn: Được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ 03 ngăn có tổng dung tích 12m<sup>3</sup>, sau đó thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Quy trình công nghệ: Nước thải được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể aeroten → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp.

+ Quy chuẩn xả thải: QCVN 14:2008/BTNMT (mức B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

- Nước làm mát: Lắp đặt 01 tháp giải nhiệt và xây dựng 02 bể nước tuần hoàn.

#### b) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông: Phun nước làm ẩm đường, bố trí các phương tiện giao thông ra vào hợp lý, vệ sinh các tuyến đường, trồng cây xanh,...

- Biện pháp xử lý hơi nhựa khu vực gia nhiệt:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Bụi, hơi nhựa → Chụp hút → Đường ống hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không.

+ Thông số kỹ thuật: Đường ống hút có kích thước từ  $\Phi 100-950$ ; Quạt hút công suất 5.000 m<sup>3</sup>/h; ống phóng không cao 3 m (so với mái nhà xưởng), đường kính 30 cm; 1 lớp than hoạt tính dày 300 mm (than hoạt tính có độ cản áp 200-300 mmH<sub>2</sub>O, hiệu quả xử lý đạt 95-99%).

+ Quy chuẩn xả thải: Khí sau khi ra khỏi ống thoát khí đạt Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT mức B đối với các chất hữu cơ bay hơi và QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, mức B, giá trị C<sub>max</sub> (C<sub>max</sub> = C x K<sub>p</sub> x K<sub>v</sub> với K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 1,0).

- Biện pháp xử lý hơi dung môi khu vực in:

+ Quy trình công nghệ xử lý: Hơi dung môi → Chụp hút → Đường ống hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không.

+ Thông số kỹ thuật: Đường ống hút có kích thước từ  $\Phi 100-950$ ; Quạt hút công suất 4.000 m<sup>3</sup>/h; ống phóng không cao 3 m (so với mái nhà xưởng), đường kính 30 cm; 1 lớp than hoạt tính dày 300 mm (than hoạt tính có độ cản áp 200-300 mmH<sub>2</sub>O, hiệu quả xử lý đạt 95-99%).

+ *Quy chuẩn xả thải: Khí sau khi ra khỏi ống thoát khí đạt Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT mức B đối với các chất hữu cơ bay hơi và QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, mức B, giá trị  $C_{max}$  ( $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  với  $K_p = 1,0$  và  $K_v = 1,0$ ).*

- Biện pháp xử lý bụi, khí thải (hơi hàn):

+ *Quy trình công nghệ xử lý: Bụi, hơi hàn → Chụp hút → Đường ống hút → Tháp rửa khí → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống phóng không.*

+ *Thông số kỹ thuật: Đường ống hút có kích thước từ  $\Phi 100-950$ ; Quạt hút công suất  $5.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ; ống phóng không cao 3 m (so với mái nhà xưởng), đường kính 30 cm; 1 lớp than hoạt tính dày 300mm (than hoạt tính có độ cản áp 200-300  $\text{mmH}_2\text{O}$ , hiệu quả xử lý đạt 95-99%).*

+ *Quy chuẩn xả thải: Khí sau khi ra khỏi ống thoát khí đạt Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT mức B đối với các chất hữu cơ bay hơi và QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, mức B, giá trị  $C_{max}$  ( $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  với  $K_p = 1,0$  và  $K_v = 1,0$ ).*

- Biện pháp thông thoáng nhà xưởng: Các nhà xưởng sản xuất đều lắp đặt hệ thống quạt thông gió.

*c) Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn*

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào 08 thùng đựng rác có nắp đậy (120 lít) tại khu vực phát sinh chất thải trong khuôn viên nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 01 ngày/lần vận chuyển đi xử lý theo quy định. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý, tần suất thu gom, nạo vét: khoảng 6 tháng/lần.

- Đối với chất thải công nghiệp thông thường: Được thu gom, lưu chứa tại kho chứa diện tích 20  $\text{m}^2$ .

*d) Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại*

- Chất thải nguy hại được thu gom vào 03 thùng chuyên dụng có thể tích 120 lít và dán nhãn nguy hại. Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 $\text{m}^2$  để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại trước khi thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý, tiêu hủy.

- Thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư 36:2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải nguy hại.

*e) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác*

- Chỉ sử dụng các thiết bị máy móc đạt tiêu chuẩn, đã được kiểm định theo quy định; thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị; trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thực hiện trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy đảm bảo diện tích cây xanh theo đúng quy hoạch chi tiết xây dựng nhà máy đã được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương phê duyệt tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 25/3/2021.

*f) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

- Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải:

+ Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

+ Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, nhằm phát hiện sớm các nguy cơ có thể xảy ra sự cố, từ đó sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế kịp thời.

+ Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Vận hành hệ thống theo quy định, thường xuyên kiểm tra kết quả khí thải đầu ra của hệ thống, thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng nhằm phát hiện, thay thế các thiết bị hỏng hóc kịp thời, thay thế than hoạt tính định kỳ.

- Phòng chống cháy nổ: Thành lập lực lượng PCCC được huấn luyện thường xuyên. Lắp đặt và trang bị hệ thống PCCC, các phương tiện, thiết bị PCCC được bố trí, lắp đặt theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành, đường nội bộ trong công ty đảm bảo thông suốt cho phương tiện PCCC thao tác; xây dựng các phương án PCCC và nội quy an toàn cháy nổ; thiết kế nhà xưởng đảm bảo các điều kiện về PCCC như thông thoáng, có nhiều cửa, có lối đi để xe cứu hỏa vào dễ dàng.

#### **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

##### **4.1. Giai đoạn thi công xây dựng**

###### *a) Giám sát môi trường không khí*

- Vị trí giám sát 03 vị trí: 01 mẫu tại khu vực thi công xây dựng; 01 mẫu tại đường vận chuyển trong dự án; 01 mẫu tại lối vào khu vực dự án.

- Thông số quan trắc: Vi khí hậu, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

- Tần suất: 01 lần/3 tháng.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24/2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26/2016/BYT- Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

*b) Giám sát môi trường nước mặt*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại suối Khuôn Ráng giáp khu vực dự án.

- Thông số phân tích: pH, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Coliform, , dầu mỡ.

- Tần suất: 01 lần/3 tháng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

**4.2. Giám sát trong quá trình vận hành sản xuất**

*a) Giám sát môi trường không khí*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại các khu vực trong khuôn viên nhà máy. Bao gồm: Khu vực gia nhiệt; khu vực in; khu vực may gia công.

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, hàm lượng bụi, tiếng ồn, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC.

- Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị bụi giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

*b) Giám sát khí thải*

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (Ống thoát khí hệ thống xử lý mùi, hơi nhựa khu gia nhiệt; ống thoát khí hệ thống xử lý hơi dung môi khu vực in; ống thoát khí hệ thống xử lý bụi, hơi hàn)

+ Thông số giám sát: Bụi, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC.

+ Tần suất giám sát: 01 lần/3 tháng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT mức B đối với các chất hữu cơ bay hơi và QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, mức B, giá trị C<sub>max</sub>. (C<sub>max</sub> = C x K<sub>p</sub> x K<sub>v</sub> với K<sub>p</sub> = 1 và K<sub>v</sub> = 1).

*c) Giám sát nước thải:*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả thải sau trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, dầu mỡ, tổng Coliform.
- Tần suất: 01 lần/3 tháng.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

*d) Giám sát chất thải rắn*

- Giám sát khối lượng các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy.
- Tần suất: 01 lần/6 tháng.

## **5. Các điều kiện kèm theo**

**5.1.** Tuân thủ đúng quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và giải pháp xử lý chất thải rắn, tiếng ồn, khói bụi, nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành. Đặc biệt lưu ý các giải pháp xử lý bụi, khí thải và các biện pháp an toàn trong quá trình vận hành hệ thống gia nhiệt, in.

**5.2.** Trước khi cơ sở đi vào vận hành hoạt động sản xuất, chủ cơ sở phải thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm để được kiểm tra, giám sát theo quy định. Lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường và chỉ được vận hành sản xuất khi được kiểm tra, cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

**5.3.** Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

**5.4.** Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quản lý và giám sát môi trường; tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**5.5.** Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình triển khai thực hiện; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia thi công và khi cơ sở đi vào vận hành hoạt động sản xuất.

**5.6.** Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến cơ sở khi được yêu cầu.